

# ẨN DỤ BẢN THỂ TRONG THƠ XUÂN QUỲNH QUA Ý NIỆM CƠ THỂ CON NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA ĐỰNG TÌNH CẢM

ONTOLOGICAL METAPHOR IN XUAN QUYNH'S POEM IN THE CONCEPTUAL  
METAPHOR BODY IS A CONTAINER FOR EMOTION

PHẠM THỊ HƯƠNG QUỲNH  
(ThS-NCS; Học viện Khoa học Xã hội)

**Abstract:** Ontological Metaphors provide much less cognitive structuring for target than structural ones. Because their cognitive job gives an ontological status to general categories of abstract target concepts such as objects, substances and container. Ontological Metaphor in Xuan Quynh's poem is expressed by the conceptual metaphor BODY IS A CONTAINER FOR EMOTION. Xuan Quynh used heart, belly, etc as a container for emotion such as *happy, love, sad* and so on.

**Key words:** conceptual/happenness, love, sadness; metaphor; Ontological Metaphor; Xuan Quynh.

## 1. Dẫn nhập

Hiện nay, nghiên cứu ẩn dụ tri nhận/ ẩn dụ ý niệm được coi như là một cách hiểu thể giới trong mối liên hệ của nó với ý chí và hoạt động sáng tạo của con người. Nó hướng tới nghiên cứu các quá trình tinh thần nhờ vào ngôn ngữ tự nhiên của con người. Ẩn dụ tri nhận là một thao tác tinh thần giúp chúng ta nhận thức thể giới xung quanh. Dựa vào chức năng tri nhận, các nhà tri nhận luận đã chia làm ba loại ẩn dụ ý niệm là ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng. Trong bài viết này chúng tôi sẽ tập trung vào các đặc điểm của ẩn dụ bản thể và ẩn dụ bản thể trong thơ Xuân Quỳnh qua ý niệm CƠ THỂ CON NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA ĐỰNG TÌNH CẢM.

## 2. Ẩn dụ bản thể

Lakoff và Johnson định nghĩa ẩn dụ bản thể thực chất là phạm trù hóa những bản thể trừu tượng bằng cách vạch ranh giới của chúng trong không gian. Kovecses (2002) quan niệm cấu trúc tri nhận trong ẩn dụ bản thể ít hơn so với ẩn dụ cấu trúc bởi vì chức

năng của nó chỉ là cung cấp các trạng thái bản thể cho các phạm trù chung để làm cụ thể hóa những miền ý niệm trừu tượng. Điều đó có nghĩa rằng, chúng ta tri nhận về những miền ý niệm trừu tượng thông qua những vật thể cụ thể như sự vật, chất liệu hay vật chứa. Kovecses (2002) đã đưa ra một mô hình tri nhận của ẩn dụ bản thể như sau:

| Source Domain<br>- Miền Nguồn    | Target Domain – Miền Đích                                                                                                                                                          |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VẬT CHẤT<br>(PHYSICAL<br>OBJECT) | => CÁC THỰC THỂ PHI VẬT CHẤT HOẶC TRỪU TƯỢNG (ví dụ: tâm trí)<br>CÁC SỰ KIỆN (ví dụ: đi tới cuộc đua), CÁC HÀNH ĐỘNG (ví dụ: gọi điện thoại)                                       |
| CHẤT LIỆU<br>(SUBSTANCE)         | => CÁC HOẠT ĐỘNG (ví dụ: chạy)                                                                                                                                                     |
| VẬT CHỨA<br>(CONTAINER)          | => VẬT CHẤT KHÔNG ĐỊNH RÕ (ví dụ: không khí trong lành trong rừng)<br>=> VẬT CHẤT VÀ BỀ MẶT PHI VẬT CHẤT (ví dụ: khu đất rộng, trường thị giác)<br>=> TRẠNG THÁI (ví dụ: đang yêu) |

Qua mô hình trên, chúng ta có thể nhận thấy ẩn dụ bản thể đã quy những cái trừu tượng, mơ hồ khó hiểu, khó nắm bắt về những trạng thái cụ thể, cơ bản của sự vật, chất liệu,...; có nghĩa là nó vật thể hóa cái trừu tượng. Ví dụ tâm trí là một khái niệm rất mơ hồ, chúng ta không thể xác định được nó về màu sắc, hình khối hay đặc điểm vật lí,...nhưng qua con đường ẩn dụ bản thể, tâm trí sẽ trở nên cụ thể như một sự vật trong ý niệm **TÂM TRÍ LÀ MỘT CỖ MÁY**. Ẩn dụ bản thể giúp chúng ta tư duy về thế giới theo hai cách:

(1) Quy chiếu, định tính và xác định các phương diện của những trải nghiệm đã được làm rõ hơn. Ví dụ vật thể hóa nỗi sợ hãi thành một vật có thể sở hữu được như *nỗi sợ hãi của tôi, nỗi sợ hãi của bạn*,...

(2) Khi những trải nghiệm mơ hồ được trạng thái hóa thông qua ẩn dụ bản thể thì những trải nghiệm được ý niệm hóa ấy có thể được cấu trúc thêm nữa bởi ý nghĩa của ẩn dụ cấu trúc. Chẳng hạn khi chúng ta quan niệm tâm trí là một vật thể vật chất thì chúng ta có thể dễ dàng cấu trúc nó với những ý nghĩa của một cỗ máy qua ẩn dụ ý niệm **TÂM TRÍ LÀ MỘT CỖ MÁY**.

### 3. Ẩn dụ ý niệm CƠ THỂ LÀ VẬT CHỨA ĐỪNG CẢM XÚC

#### 3.1. Mô hình chiếu xạ giữa miền nguồn và miền đích

Qua khảo sát 100 bài thơ trong *Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh*, chúng tôi nhận thấy, ẩn dụ ý niệm **CƠ THỂ LÀ VẬT CHỨA**

**ĐỪNG CẢM XÚC** có 61 biểu thức ngôn ngữ mang tính ẩn dụ. Miền nguồn **VẬT CHỨA** chiếu xạ những thuộc tính của nó đến miền đích **CON NGƯỜI**. Lakoff và Johnson (1994) cho rằng, theo truyền thống như mọi người đều biết thì tư duy không phải là phân tách rời cơ thể, mà về bản chất còn được sinh ra một cách tự nhiên từ não bộ, cơ thể và sự trải nghiệm của cơ thể. Các cơ chế thần kinh và sự tri nhận cho phép chúng ta nhận thức và di chuyển trong thế giới đồng thời cũng tạo ra hệ thống ý niệm. Do đó, không phải một sức mạnh siêu việt nào giúp chúng ta hiểu thế giới mà đó chính là đặc thù cấu tạo cơ thể con người, hệ thống thần kinh và những hoạt động hàng ngày của chính con người. Lakoff và Johnson cũng đã đề cập đến các dạng kinh nghiệm căn cứ vào bản chất của cơ thể con người, đặc biệt là kinh nghiệm tình cảm. Chúng ta thường cho rằng, cơ thể hoặc bộ phận cơ thể là bầu chứa và Xuân Quỳnh đã mã hóa bằng một số cụm từ như lòng, tim, bàn tay, ... Có thể minh chứng bằng ví dụ cụ thể sau:

*Tóc anh thì uớt đầm/ lòng anh thì cô đơn.  
Lòng thành bầu chứa cho cảm xúc cô đơn  
và Trái tim ta như nắng thuở ban đầu/ Chút  
chút gợn một lần cay đắng. Tim trở thành  
bầu chứa cho cảm xúc cay đắng.*

Bảng dưới đây thống kê sự mã hóa cơ thể người như là một bầu chứa tình cảm thông qua quá trình chiếu xạ giữa miền nguồn và miền đích

**Bảng 1. Mô hình chiếu xạ giữa miền nguồn BẦU CHỨA và miền đích CON NGƯỜI**

| STT | Sự tương đồng giữa miền nguồn và miền đích | Các thuộc tính/đối tượng được chiếu xạ | Số lần xuất hiện trong các biểu thức ngôn ngữ mang tính ẩn dụ |         |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                            |                                        | Số lần/61                                                     | Tỉ lệ % |
| 1   | Các bộ phận cơ thể người                   | Tim                                    | 10                                                            | 16.4%   |
|     |                                            | Lòng                                   | 39                                                            | 63.9%   |
|     |                                            | Tay                                    | 07                                                            | 11.5%   |
|     |                                            | Tôi                                    | 06                                                            | 9.8%    |
| 2   | Các trạng thái cảm xúc                     | Vui                                    | 05                                                            | 8.2%    |
|     |                                            | Buồn                                   | 04                                                            | 6.6%    |

|  |  |           |    |       |
|--|--|-----------|----|-------|
|  |  | Đau đớn   | 01 | 1.6%  |
|  |  | Cay đắng  | 01 | 1.6%  |
|  |  | Khao khát | 01 | 1.6%  |
|  |  | Cô đơn    | 03 | 4.9%  |
|  |  | Đa diết   | 04 | 6.6%  |
|  |  | Hồi hộp   | 01 | 1.6%  |
|  |  | Yên ổn    | 03 | 4.9%  |
|  |  | Lo sợ     | 01 | 1.6%  |
|  |  | Yêu       | 10 | 16.4% |
|  |  | Nhớ       | 11 | 18.0% |
|  |  | Thương    | 05 | 8.2%  |

### 3.2. Ấn dụ ý niệm CƠ THỂ LÀ VẬT CHỨA Đựng TÌNH CẢM trong thơ Xuân Quỳnh

Ấn dụ ý niệm này được Xuân Quỳnh cụ thể hóa thành một số bộ phận như tim, lòng, bàn tay... Chúng tôi thống kê được tỉ lệ xuất hiện của các bộ phận đó như sau: *tim* 10/61, chiếm 16.4%, *lòng* 39/61 chiếm 63.9%, *tay/bàn tay* 07/61 chiếm 11.5% và *tôi* 06/41 chiếm 9.8%. Đối với Xuân Quỳnh, cơ thể người hay bộ phận cơ thể người là một bầu chứa mọi tình cảm, cảm xúc từ niềm hạnh phúc đến nỗi lo âu hay sự cô đơn.

Trước hết là bộ phận cơ thể *tim/trái tim* được ý niệm như một bầu chứa. *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (2006) [63] giải thích *tim* có nghĩa như sau: 1/ Bộ phận trung tâm của hệ tuần hoàn, có chức năng điều khiển việc vận chuyển máu trong cơ thể; 2/ Tim của con người, coi là biểu tượng của tình cảm, tình yêu; 3/ Phần điểm ở chính giữa của một số vật... Từ ý nghĩa của trái tim như thế, Xuân Quỳnh quan niệm trái tim là nơi chứa đựng tình cảm, cảm xúc của con người, đặc biệt là tình yêu:

*Vịnh này vịnh của con tim*

*Của tình yêu, của ấm êm cuộc đời*

[Tình ca trong lòng vịnh]

Trái tim được ví với vịnh, nơi trú ngụ của tình yêu, của những ấm êm trong đời. Đó không phải là một trái tim sinh học có chức năng chính trong hệ tuần hoàn mà là một bầu

chứa đựng tình cảm đẹp nhất của nhân loại: tình yêu đôi lứa.

Trái tim là nơi chứa đựng tất cả các cung bậc tình cảm từ vui buồn, đến đau đớn, đắng cay...

*Trái tim buồn sau lần áo mỏng*

*Từng đập vì anh vì những trang thơ*

*Trái tim này mỗi phút mỗi giờ*

*Chỉ có đập cho mình em đau đớn*

[Thời gian trắng]

*Trái tim ta như nắng thuở ban đầu*

*Chút chút gợn một lần cay đắng*

[Hoa cúc xanh]

Có một đặc điểm sinh học là mọi thay đổi cảm xúc đều tác động đến nhịp tim: nếu là niềm vui, sự hứng khởi thì tim đập nhanh hơn; nếu là nỗi buồn hay cảm giác đau đớn, người ta sẽ có cảm giác tim như thắt lại, như ngừng đập. Xuân Quỳnh từng bị đau tim rất nặng nên trái tim chị càng trở nên mong manh, nhạy cảm. Từ những kinh nghiệm sinh học thực tế ấy, Xuân Quỳnh coi trái tim như một bầu chứa những cảm xúc đa dạng. Đó là một trái tim buồn, đập những nhịp đau đớn, là cảm xúc cay đắng nguyên sơ...

Vượt lên tất cả, trái tim vẫn là nơi tình yêu ở lại, chị muốn đồng điệu với người yêu qua những nhịp tim:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em*

*Biết khao khát những điều anh mơ ước*

[Tự hát]

Cuối cùng, trái tim trong lồng ngực người con gái không đập cho riêng mình mà đập vì những *điều anh mơ ước*. Trái tim chứa đựng

cảm giác khát khao muốn được cộng hưởng với người yêu dấu.

Xuân Quỳnh còn ý niệm hóa bộ phận cơ thể **lòng** làm nơi chứa đựng tình cảm. *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên [63, tr578] đưa ra các ý nghĩa của từ *lòng* như sau: 1/ Những bộ phận trong bụng của con vật giết thịt, dùng làm thức ăn (nói tổng quát). Ví dụ: *Lòng lợn, cổ lòng, ...*; 2/ (Kết hợp hạn chế) bụng con người, ví dụ: *Ấm cật no lòng, trẻ mới lọt lòng, ...*; 3/ Bụng của con người, coi là biểu tượng của mặt tâm lí, tình cảm, ý chí, tinh thần. Ví dụ: *Đau lòng, bận lòng, ăn ở hai lòng, lòng tham, ...*; 4/ Phần ở giữa hay ở trong một số vật, có khả năng chứa đựng hay che chở. Ví dụ: *Lòng suốt, ôm con vào lòng, ...*

Người Việt thường nói *đau bụng, tức bụng, ...* để chỉ một trạng thái sinh lí, nhưng *xót ruột, xót lòng, ...* lại là một trạng thái tâm lí, tình cảm. Ví dụ: *Ruột đau như cắt* là một trạng thái đau đớn về tinh thần. Người Việt ý niệm *lòng* như một nơi ghi nhớ, một nơi chứa đựng tình cảm. Có rất nhiều các câu ca dao như: “*Đừng xáo nước đục đau lòng cò con*”; “*Củ lao chín chữ ghi lòng con ơi*”; “*Một lòng thờ mẹ kính cha*”.

Trong tư duy của người Việt, thế giới tâm lí, tình cảm, ý chí, tư tưởng... được biểu thị thông qua bộ phận được chứa đựng trong bụng con người, tức là lòng người.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tư duy của Xuân Quỳnh, *lòng* không đơn thuần là một bộ phận cơ thể người, không phải một thực thể sinh lí, mà là một thực thể vừa tâm lí tình cảm vừa tinh thần, ý thức. Xuân Quỳnh tri nhận về *lòng* rất đa dạng, thể hiện những đặc trưng riêng của nhà thơ trong nhận thức về tư tưởng, tâm hồn, cảm xúc. *Lòng* trở thành một miền Nguồn quy chiếu đến tình cảm ở miền Đích. Với Xuân Quỳnh, *lòng* là một biểu tượng cho tình yêu vô tận:

*Lòng em thương làm sao mà nói được  
Như trời xanh vô tận mãi mãi xanh*

[Thương về ngày trước]

Lòng là bầu chứa mọi tình cảm yêu thương, nhớ nhung... Nhà thơ đã vô cùng hóa tình yêu của mình qua một cách nghĩ rất riêng, qua một đơn vị chứa đựng mang tính tượng trưng là *lòng*.

Có lúc, *lòng* biểu trưng cho tâm trạng nhức nhối mong chờ:

*Anh về từ đường phố*

*Anh về từ trận gió*

*Anh về từ cơn mưa*

*Từ những ngày đã qua*

*Từ những ngày chưa tới*

*Từ lòng em nhức nhối...*

Xuân Quỳnh vốn đa cảm, luôn có những cảm xúc tha thiết với người yêu dấu đến mức thành sự trần trở.

“*Nào hạnh phúc, nào là đổ vỡ*”

Tôi thấy *lòng lo sợ không đâu*

[Thơ tình cho bạn trẻ]

*Lòng* là bầu chứa cho nỗi lo sợ bởi lẽ tình yêu có hạnh phúc nhưng cũng có đau khổ, có sự gắn bó bền lâu nhưng cũng có sự đổ vỡ. Có thể ranh giới giữa hạnh phúc và đổ vỡ thường rất mong manh nên cảm xúc lo sợ bất an luôn thường trực trong lòng nhà thơ.

Xuân Quỳnh đã làm cho khái niệm *lòng* vốn rất trừu tượng, rất khó nắm bắt trở nên cụ thể, trực quan, dễ dàng hình dung nhờ rất nhiều các tính từ chỉ cảm xúc đi cùng với danh từ *lòng*. *Lòng* được gọi tên cho những cảm xúc rất cụ thể. Đó là cảm nhận về tâm trạng của người yêu “*Lòng anh thì cô đơn*”; là cảm xúc lưu luyến, nôn nao lúc chia tay người yêu “*Vẫn thấy lòng da diết lúc chia xa/ Đến nao lòng là giờ phút chia tay*”; là nỗi đau của bản thân trước căn bệnh tim hiểm nghèo “*Áo em rộng và lòng em tan nát*”; là nỗi nhớ người thân, nhớ căn nhà nhỏ “*Lòng nhớ mẹ nhớ thầy bạn cũ/Nhớ một tán bàng xanh bên cửa*”; nhớ góc phố thân quen “*Em xao xuyến trong lòng/Nhớ về nơi ta ở*”; là hồi ức về những năm tháng tuổi trẻ trong đoàn văn công “*Son lá rêu son*” “*da*

*diết cõi lòng*"; là niềm thương cha tha thiết "*Xé lòng tôi - ôi một đứa con*"; có khi lại là cảm xúc rất ngây thơ của một em bé "*Lòng đại thơ lo lắng*"; hay một cảm xúc bình yên dịu dàng "*Lòng yên ổn nghe đến cùng bản nhạc*". Xuân Quỳnh đã ý niệm *lòng* thành một bầu chứa mọi cảm xúc đa dạng của chính mình, để biểu đạt những gì sâu lắng nhất của tâm tư, tình cảm.

Trong những năm tháng chiến tranh của đất nước, *lòng* lại trở thành một biểu trưng cho niềm căm thù quân xâm lược. Đó là những ý thơ đanh thép của một thế hệ tuổi trẻ sẵn sàng cống hiến cuộc đời mình cho quê hương:

*Thù trong lòng và cây súng trên vai  
Cùng đồng đội anh trở về làng cũ*

[Cổ đại]

Lòng thành nơi chứa đựng nỗi căm thù, nó thúc đẩy thanh niên vác súng lên vai ra trận: "*Lòng căm giận để nơi đầu ngọn súng*" [Lòng yêu thủ đô]

Hà Nội trong mười hai ngày đêm năm 1972 đã đi vào lịch sử, chiến thắng vinh quang nhưng nỗi đau không ít:

*Cửa đã khóa và ánh đèn đã tắt*

*Mười hai ngày cùng tận của lòng đau*

[Những năm tháng không yên, trở lại làm mình]

Lúc này, *lòng đau* không phải của riêng Xuân Quỳnh mà là của mọi người con Hà Nội. *Lòng đau* trở thành một cảm xúc khái quát mang tính thời đại, tính lịch sử trong những ngày Hà Nội chìm trong mưa bom bão đạn. Vì thế mỗi một vết xước do bom thù gây nên là một nỗi đau:

*Vết sẹo lòng ta - vết đạn của ô*

*Còn nhức nhối mỗi lần ta gấp lại*

[Lòng yêu thủ đô]

Từ một vết bom thù thành vết sẹo trong lòng là một quá trình ý niệm hóa, trong đó có sự chuyển đổi từ ngoại cảnh vào tâm cảnh. Cảm xúc *nhức nhối* trở nên cụ thể và dễ hiểu bởi ý niệm *vết sẹo lòng ta*. Thời gian

có thể làm mọi vết thương lành miệng nhưng mỗi lần nhìn vào vết sẹo là kí ức về một thời không yên lại trỗi dậy và lòng căm giận kẻ thù lại sôi sục. Mọi công dân Việt Nam lúc đó hướng về tiền tuyến với tất cả tình yêu là khao khát hòa bình:

*Lòng hồi hộp lật từng trang báo*

*Tin chiến trường gần, tin chiến trường xa...*

[Những năm tháng không yên - những miền đất]

*Lòng* chứa đựng cảm xúc *hồi hộp* khi đón nhận tin tức từ chiến trường. Xuân Quỳnh thể hiện tình cảm mạnh mẽ trước cuộc sống cách mạng và ý thức của người công dân yêu nước. Vì thế *Lòng* còn thể hiện tư tưởng, khát vọng của tuổi trẻ:

*Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng*

*Biết bay rồi ta lại muốn bay cao*

[Khát vọng]

Đó là khát khao vươn tới những chân trời bao la của tuổi trẻ cho nên nó đẹp đẽ và khỏe khoắn. Thông qua việc ý niệm hóa bộ phận cơ thể *lòng* là bầu chứa mọi tình cảm mà những cảm xúc trong thơ Xuân Quỳnh hiện lên rất chân thành và chúng ta có thể dễ dàng nắm bắt.

*Đôi bàn tay* cũng là một bộ phận cơ thể chứa đựng tình cảm. Đối với Xuân Quỳnh, *bàn tay* không chỉ là một gia tài mà người phụ nữ trao tặng cho người yêu dấu mà nó còn chứa đựng nhiều cảm xúc rất tha thiết:

Đó là nỗi nhớ khi xa:

*Khi anh vắng bàn tay em biết nhớ*

*Lấy thời gian đan thành áo mong chờ*

[Bàn tay em]

Đó là nơi nắm giữ hạnh phúc:

*Bầu trời xanh hơn cả lúc nằm mơ*

*Và hạnh phúc trong bàn tay có thật:*

*Chiếc áo mắc trên tường*

*Màu hoa sau cửa kính*

*Nồi cơm reo trên ngọn lửa bếp đèn*

[Bầu trời đã trở về]

Hạnh phúc không phải là một cảm xúc trừu tượng, nó hiện lên cụ thể qua chiếc áo của anh mắc trên tường, là bông hoa đang nở bên ngoài cửa kính, là nồi cơm reo đợi anh trở về. Bàn tay chứa đựng hạnh phúc trở thành một ẩn dụ ý niệm đẹp nhất cho cuộc sống đậm ấm của lứa đôi. Thơ Xuân Quỳnh vì thế luôn làm lòng ta ấm áp.

Ngoài ra, Xuân Quỳnh còn tri nhận toàn bộ bản thân con người là một bầu chứa cho những cảm xúc. Đó là *tôi, em, bàn chân, con người...* quy chiếu đến miền Đích tình cảm:

*Các sa mạc trở về cùng cây cỏ*

Và *con người mang nỗi nhớ trăm quê*

[Nói với con]

Cơ thể người và bộ phận cơ thể người là nơi chứa đựng những cảm xúc đa dạng, phong phú. Đó là niềm vui, nỗi buồn, sự xúc động... là nỗi nhớ cồn cào một con phố, một tiếng guốc trên vỉa hè của *bàn chân*; là nỗi nhớ quê của bao *con người xa quê*;... Ẩn dụ ý niệm CƠ THỂ LÀ VẬT/BẦU CHỨA ĐỰNG TÌNH CẢM rất đẹp, rất nhân văn, rất con người.

#### 4. Kết luận

Hạt nhân tư tưởng của ngôn ngữ học tri nhận là quan điểm “dĩ nhân vi trung”, con người luôn ở vị trí trung tâm nhất của vũ trụ, của mọi luận điểm, mọi học thuyết; con người là ‘thước đo’ của vạn vật trên thế giới này. Chính vì thế ý niệm về con người một lần nữa trực tiếp làm sáng tỏ quan điểm đầy tính nhân văn ấy. Trong thơ Xuân Quỳnh, ẩn dụ bản thể được thể hiện thông qua hai ý niệm liên quan đến con người là CƠ THỂ CON NGƯỜI LÀ BẦU CHỨA CHO CẢM XÚC/TÌNH CẢM (BODY IS A CONTAINER FOR EMOTION). Đạo Phật quan niệm con người có hai phần, phần hồn và phần xác, phần xác chính là cơ thể người. Nhà Phật thường nói *sống gửi thác về*, *sống* là sự gửi gắm thân thể trên cõi dương gian còn *thác* là

về với chốn vĩnh hằng. Khi sự sống dừng lại, trái tim ngừng đập chỉ là sự nghỉ ngơi của thể xác còn linh hồn vẫn tiếp tục tồn tại ở một cõi khác. Cho nên nói đến con người là nói đến cả phần hồn, phần xác, còn nói đến cơ thể người là nói về thể xác. Trong tư duy, Xuân Quỳnh không hẳn tách bạch giữa hai phần xác và hồn, mà cơ thể người trước hết là bầu chứa cho mọi cảm xúc - từ niềm vui, hạnh phúc tới nỗi đau khổ. Tư duy ý niệm này tiêu biểu cho những đặc điểm của ẩn dụ bản thể, đồng thời cho thấy một Xuân Quỳnh với tấm lòng và trái tim rất ấm áp, nữ tính.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận - ghi chép và suy nghĩ*, NXB Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Về ngôn ngữ học tri nhận*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 9, tr 44 - 50.
3. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản có sửa chữa bổ sung) Nhà xuất bản Phương Đông.
4. Lưu Khánh Thơ (2011), *Xuân Quỳnh không bao giờ là cuối*, NXB Nhã Nam.
5. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, NXB Từ điển bách khoa.

##### Tiếng Anh

6. Kovecses (2002), *Metaphor a practical introduction*, Oxford University press.
7. Peter Stockwell, (2002), *Cognitive poetics an introduction*, London & Newyork.
8. Lakoff, G., Johnson, M, (1980), *Metaphors we live by*. Chicago and London: The University of Chicago Press.